

# NGHIÊN CỨU CHUỖI GIÁ TRỊ CÀ PHÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

## RESEARCHING ON COFFEE VALUE CHAINS IN KON TUM PROVINCE

Hoàng Văn Hải, Đặng Văn Mỹ

*Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum, dvanmy@gmail.com, hvhai@kontum.udn.vn*

**Tóm tắt** - Bài viết thảo luận các quan điểm về chuỗi giá trị, phân tích chuỗi bao gồm các khái niệm, bộ phận, tác nhân của chuỗi giá trị. Bài viết cũng thảo luận một số mô hình và phương pháp phân tích đánh giá kết quả chuỗi giá trị thường được áp dụng phân tích chuỗi. Kết quả nghiên cứu cho thấy chuỗi giá trị cà phê gồm 4 tác nhân chính: cung cấp đầu vào, sản xuất, thu gom, tiêu thụ nội địa/xuất khẩu. Tuy nhiên, cà phê trên địa bàn tỉnh chỉ mới sản xuất theo quy mô gia đình, cà phê sau thu hoạch chưa có công nghệ bảo quản nào được áp dụng; kết cấu tổ chức của chuỗi còn tách biệt; tác nhân chính trong chuỗi vẫn là người sản xuất, các tác nhân khác có tác động rất ít tới sự phát triển của chuỗi; chuỗi mới chỉ mang tính một chiều.

**Từ khóa** - chuỗi giá trị, giá trị gia tăng, cà phê, xuất khẩu, Kon Tum

### 1. Giới thiệu

Cà phê là cây công nghiệp lâu năm, có nhiều triển vọng phát triển trong điều kiện tự nhiên của nước ta và là một trong mười mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam hiện nay. Trong những năm gần đây, ngành Cà phê có đã có những tiến bộ vượt bậc trong sản xuất và xuất khẩu cà phê và là nước đứng đầu thế giới về sản xuất cà phê vối (Robusta) với chất lượng tốt trên thế giới. Năm 2012 Việt Nam xuất khẩu 1,76 triệu tấn cà phê, đạt kim ngạch 3,73 tỉ USD, tăng cả về số lượng và giá trị so với năm 2011. Cà phê được xem là một trong những cây trồng chiến lược trong quá trình phát triển nền nông nghiệp hóa ở Việt Nam, xóa đói giảm nghèo và làm giàu cho nông dân.

Kon Tum một trong năm tỉnh Tây Nguyên có lợi thế về tiềm năng đất đai để mở rộng diện tích trồng cây Cà phê. Diện tích cà phê của tỉnh Kon Tum năm 2015 là 12,158 ha, diện tích thu hoạch là 10,805 ha với sản lượng đạt mức hơn 27 nghìn tấn<sup>1</sup>. Ngành sản xuất kinh doanh và chế biến cà phê đã và đang phát triển mạnh, không những đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu ra nước ngoài. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh cà phê đang gặp phải nhiều vấn đề cần nhanh chóng tìm các giải pháp tháo gỡ, phổ biến là trong các hoạt động: Thu mua nguyên liệu, vận chuyển hàng hóa, tìm kiếm khách hàng, phân tích nhu cầu.

Với xu hướng phát triển kinh tế ngày càng mạnh mẽ và nhu cầu khách hàng ngày càng khắt khe hơn đã đặt ra những thách thức cho chuỗi giá trị cà phê. Xuất phát từ thực tiễn trên, Nghiên cứu về chuỗi giá trị cà phê trên địa bàn tỉnh Kon Tum thực sự là vấn đề thực sự quan trọng

**Abstract** - The article discusses views on value chains, analyzes chains including concepts, components, and agents of the value chains. It also presents some models and methods for analyzing and evaluating value chain results which are commonly applied in chain analysis. Research findings reveal that a coffee value chain consists of four main factors: input supply, production, gathering, domestic or export consumption. However, the coffee in the province has only been produced on family-size scales; there has been no application of technology to preserve post-harvest coffee; organizational structures of the chains remain in separation; the main agent in the chain is still the producer, other agents have very little impact on the development of the chains, which are merely one-way by nature.

**Key words** - value chain; value-added; coffee; export; Kon Tum.

nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của chuỗi giá trị và hài hoà lợi ích-chi phí cũng như tạo thêm giá trị sản xuất và giá trị gia tăng cho cà phê tỉnh Kon Tum.

### 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Cơ sở lý thuyết

##### 2.1.1. Chuỗi giá trị

Chuỗi giá trị gồm một loạt các hoạt động cần có để sản xuất ra một sản phẩm hoặc dịch vụ từ giai đoạn xây dựng khái niệm, qua các giai đoạn khác nhau của sản xuất tới phân phối đến người tiêu dùng cuối cùng, dịch vụ hậu mãi và việc vứt bỏ sản phẩm sau khi sử dụng. Như vậy, mỗi sản phẩm được tạo ra đều có giá trị bao gồm một xâu chuỗi các mất xích nhiều giá trị kết nối tạo nên.

Vậy, trong chuỗi giá trị có các “khâu” trong chuỗi. Các khâu chúng ta có thể mô tả cụ thể bằng các “hoạt động” để thể hiện rõ các công việc của khâu. Bên cạnh các chức năng chuỗi giá trị chúng ta có “tác nhân”. Tác nhân là những người thực hiện các chức năng trong chuỗi, ví dụ như nhà cung cấp đầu vào cho sản xuất, nông dân sản xuất lúa, thương lái vận chuyển hàng hóa, v.v... Bên cạnh các tác nhân chuỗi giá trị chúng ta còn có các “nhà hỗ trợ chuỗi giá trị”. Nhiệm vụ của các nhà hỗ trợ chuỗi là giúp phát triển của chuỗi bằng cách tạo điều kiện nâng cấp chuỗi giá trị.

##### 2.1.2. Phân tích chuỗi giá trị

Khi phân tích chuỗi giá trị, nhà nghiên cứu lập sơ đồ các khâu/các lĩnh vực và mối liên kết chính trong mỗi khâu hay lĩnh vực đó. Chỉ ra các tác nhân chính, nút thắt chính trong chuỗi giá trị để đưa ra can thiệp hợp lý. Nhờ hiểu được một cách có hệ thống về những mối liên kết này trong một mạng lưới, có thể đưa ra những kiến nghị chính sách tốt hơn và hiểu hơn về tác động ngược lại của chúng trong toàn chuỗi. Các công việc trong quá trình phân tích chuỗi giá trị bao gồm:

<sup>1</sup>Báo cáo hiện trạng sản xuất, giải pháp phát triển và trồng tại canh cà phê thời gian tới (2015), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Hình thành sơ đồ chuỗi giá trị: Sơ đồ thể hiện các hoạt động sản xuất/kinh doanh (khâu), các tác nhân chính trong chuỗi và những mối liên kết của họ. Lập sơ đồ chuỗi giá trị có nghĩa là vẽ một sơ đồ về hiện trạng của hệ thống chuỗi giá trị. Trong đó, sơ đồ chuỗi giá trị chỉ rõ sự phân bổ thu nhập và giá sản phẩm cuối cùng.

### 3. Các yếu tố ảnh hưởng tới chuỗi giá trị sản phẩm cà phê

Cây cà phê có nhiều chủng loại, mỗi loại có nguồn gốc, đặc điểm sinh thái khác nhau. Tuy nhiên, để trồng và khai thác hiệu quả từ cây cà phê thì cần phải chú ý đến các điều kiện về tự nhiên và kỹ thuật để cây cà phê sinh trưởng và cho quả tốt nhất.

#### 3.1. Đất đai

Sản xuất cà phê trong các khu vực địa lý khác nhau có thể sẽ có năng suất khác nhau. Sự khác biệt này có thể do điều kiện môi trường khác nhau giữa các vùng, như điều kiện về đất, chất dinh dưỡng, khí hậu, giống cây... Cây cà phê không đòi hỏi khắt khe về đất, nó có thể phát triển tốt trên nhiều loại đất khác nhau như: Đất nâu đỏ, nâu vàng hoặc đất xám. Trong đó, đất đỏ bazan cây cà phê sinh trưởng tốt, cho năng suất cao. Yêu cầu cơ bản là có tầng đất mặt sâu từ 70 cm trở lên, có thành phần cơ giới trung bình đến hơi nặng (Đất thịt nhẹ-sét).

#### 3.2. Thời tiết khí hậu

- Nhiệt độ: Cây cà phê với sinh trưởng phát triển thích hợp nhất ở nhiệt độ từ 22 – 26°C. Cây cà phê ưa nóng ẩm với nhiệt độ 24-26°C là thích hợp và nhiệt độ tối thấp không dưới 7°C. Cà phê mít thích hợp với nhiệt độ 23-25°C, nó nhạy cảm với lạnh hơn là khô. Nói chung là cây cà phê cần nhiệt độ từ 20-25°C, biên độ nhiệt là 15-30°C ngoại trừ cây cà phê vối có khả năng thích nghi ở nơi có biên độ nhiệt lớn hơn từ 5-32°C.

- Lượng mưa: Cây cà phê sinh trưởng phát triển tốt ở những vùng có lượng mưa hàng năm 1.800–2.000 mm, có một mùa khô ngắn vào cuối và sau vụ thu hoạch để phân hóa mầm hoa.

- Độ ẩm: Độ ẩm không khí thích hợp với cây cà phê là từ 70% trở lên. Độ ẩm không khí càng cao càng tốt đối với cây cà phê, đặc biệt là giai đoạn cây cà phê ra hoa. Cây cà phê (Vối) thích hợp trong điều kiện ẩm độ cao, gần như bão hòa.

- Ánh sáng: Cây cà phê vối thích hợp ánh sáng trực xạ yếu, do đó cần trồng cây che bóng để điều hòa ánh sáng cho vườn cây cà phê hợp lý đặc biệt là giai đoạn kết thúc cơ bản.

- Gió: Gió nóng, lạnh hay gió mạnh đều gây ảnh hưởng cho sinh trưởng phát triển cây cà phê. Khi lập vườn cần trồng cây chắn gió phù hợp cho vườn cà phê. Tốc độ gió thích hợp là 2-3met/giây trong lô trồng.

Tóm lại: Cây cà phê có những yêu cầu sinh thái riêng, đòi hỏi điều kiện về đất đai và thời tiết khí hậu thích hợp. Khi đáp ứng được những yêu cầu này cây cà phê sẽ sinh trưởng và cho năng suất cao, chất lượng tốt. Trên thế giới, ở Brazil và Colombia điều kiện tự nhiên rất thích hợp với cây cà phê. Nếu cây cà phê được trồng ở những nơi không đáp ứng được các điều kiện trên thì cần phải khắc phục

bằng các biện pháp kỹ thuật như: tưới nước, trồng cây che bóng... Tuy nhiên thiên nhiên thường diễn biến rất phức tạp. Thiên tai như sương muối, gió nóng... cùng với sâu bệnh ảnh hưởng rất lớn đến việc sản xuất cà phê. Lịch sử của ngành cà phê cho thấy chính thiên tai đã gây cho ngành bao thăng trầm và biến động mạnh về giá cả.

#### 3.3. Nhân tố kỹ thuật sản xuất cà phê

Không chỉ những điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng đến cây cà phê mà cây cà phê muốn cho năng suất, chất lượng cao rất cần những người lao động có chuyên môn, kỹ thuật. Hiện nay, hàng loạt những tiến bộ kỹ thuật mới đã được nghiên cứu và ứng dụng trong sản xuất cà phê. Những tiến bộ kỹ thuật chủ yếu về các vấn đề sau:

+ Lai tạo giống: các nhà khoa học đã cố gắng tạo ra các giống cây có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu tốt với điều kiện môi trường và thích ứng được điều kiện ngoại cảnh trên diện rộng.

+ Chất hóa học, thành tựu trong phòng trừ sâu bệnh cũng như cỏ dại.

+ Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong cơ giới hóa, điện khí hóa... trong trồng trọt, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, bảo quản sản phẩm cà phê. Những biện pháp kỹ thuật mới có ý nghĩa rất lớn với ngành cà phê. Cây cà phê không những cho sản phẩm có năng suất cao hơn, chất lượng tốt hơn, mà còn hạn chế được những tác hại, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh. Chính những tiến bộ kỹ thuật này đã hợp thành nhóm các nhân tố kỹ thuật sản xuất mà chúng ta cần quan tâm để việc sản xuất cà phê cho hiệu quả cao nhất.

#### 3.4. Nhân tố kinh tế - tổ chức sản xuất cà phê

Nhóm nhân tố này rất phức tạp vì nó là tổng hợp của những tác động của các vấn đề kinh tế. Nhóm các nhân tố này cũng rất quan trọng vì nó cho có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm nhóm các nhân tố tự nhiên và nhân tố kỹ thuật. Điều kiện tự nhiên dù có thuận lợi tới đâu nhưng nếu không có các biện pháp kinh tế - tổ chức sản xuất cà phê hợp lý thì hiệu quả đạt được cũng không cao.

Các nhân tố này bao gồm nhiều nhân tố khác nhau như:

- Thị trường, giá cả cà phê quốc tế;
- Quy hoạch, bố trí sản xuất cà phê;
- Chính sách kinh tế với sản xuất cà phê;
- Đầu tư xây dựng cơ bản và thâm canh.

Tóm lại, khi sản xuất cà phê thì mỗi nhân tố trên đều có ảnh hưởng theo chiều hướng, mức độ khác nhau nên cần phải được chú trọng kết hợp cả ba nhóm nhân tố đó để mang lại kết quả sản xuất cao nhất.

#### 3.5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Tiếp cận chuỗi giá trị và phân tích các đối tượng xuyên suốt các thành viên trong chuỗi. Các số liệu thứ cấp được cập nhật thường xuyên từ các nguồn thông tin đã được công bố của Tổng cục Thống kê và các sách, bài báo, báo cáo khoa học. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp các tác nhân bằng bộ câu hỏi thu thập thông tin cấu trúc và bán cấu trúc được sử dụng chủ yếu ở giai đoạn đầu của quá trình nghiên cứu chủ yếu thông qua việc đi thực địa, thăm nông hộ để có

thông tin về nghiên cứu và vùng nghiên cứu, phương pháp chuyên khảo. Nguồn thông tin sơ cấp từ tác nhân sản xuất với số mẫu 20 người về thực trạng sản xuất, tiêu thụ cà phê, các yếu tố ảnh hưởng và xây dựng giải pháp nhằm phát triển chuỗi giá trị sản phẩm cà phê.

Bên cạnh các chỉ tiêu đưa ra nhằm phân tích để làm rõ đặc điểm địa bàn nghiên cứu thì các chỉ tiêu của phần kết quả nghiên cứu để nhằm phân tích, đánh giá thực trạng phát triển sản xuất cà phê của tỉnh Kon Tum về các nội dung:

- Mức độ tham gia của các tác nhân tham gia trong chuỗi giá trị cà phê

- Tỷ lệ phần trăm sản phẩm, tác nhân thu mua cà phê

- Số lượng, kết quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, thu mua cà phê

- Sản lượng, hướng tiêu thụ, giá, kim ngạch xuất khẩu cà phê

- Tỷ lệ thu mua nội địa, xuất khẩu

- Số lượng, giá bình quân, diện tích, năng suất, sản lượng cà phê

$$GO = \sum_{i=0}^n G_i \times P_i$$

GO = tổng giá trị sản xuất  
G là sản phẩm thứ i  
P giá sản phẩm thứ i

- Chi phí trung gian sản xuất cà phê

$$IC = \sum_{i=0}^n C_i \times P_i$$

IC = chi phí trung gian  
C là vốn đầu tư vào cây thứ i  
P giá trị đầu tư vào sản phẩm thứ i

- Giá trị gia tăng (VA): VA = GO – IC

- Thu nhập hỗn hợp (MI): MI = VA – (W+T)

Trong đó: W = tiền thuê lao động; T: tiền thuế; MI = là thu nhập gồm lãi và công lao động

- Giá trị sản xuất/chi phí trung gian (GO/IC) của sản xuất cà phê

- Giá trị gia tăng/chi phí trung gian (VA/IC) của sản xuất cà phê

#### 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

##### 4.1. Chuỗi giá trị sản phẩm cà phê của tỉnh Kon Tum

Năm 2012, diện tích cà phê toàn tỉnh Kon Tum là 12.752 ha (chiếm 10,5% diện tích cà phê cả nước), sản lượng đạt trên 27561 tấn (chiếm 13,9% sản lượng cà phê cả nước), năng suất đạt 2,34 tấn /ha (Tổng cục thống kê, 2012 ). Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum, trong giai đoạn 2005 - 2010, diện tích cà phê toàn tỉnh đã tăng thêm hơn 5.000 ha, bình quân mỗi năm tăng gần 2.000 ha. Cụ thể, năm 2009 diện tích cà phê đã tăng lên 8.500 ha và năm 2011 là 10.765 ha. Những năm gần đây, mặc dù chính quyền địa phương đã khuyến cáo là mở rộng diện tích cà phê trồng mới. Cùng với việc tăng nhanh về diện tích, việc tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh tiến bộ như: chọn giống, bón phân, tưới nước, tạo tán... nên năng suất và sản lượng cà phê của tỉnh tăng mạnh. Những năm trước 1990, năng suất bình quân 1 ha cà phê kinh doanh chỉ đạt 8 - 9 tạ cà phê nhân, đến năm 1994 năng suất bình quân đạt 19,22 tạ/ha, hiện nay bình quân đạt 23 - 25 tạ/ha; cá biệt ở một số vùng sản xuất đã cho năng suất bình quân đạt 35 - 40 tạ/ha, vườn cà phê một số hộ gia đình đạt trên 50 tạ/ha. Kết quả khảo sát của tỉnh diện tích và sản lượng cà phê liên tục tăng trong những năm qua điều này được chỉ ra cụ thể trong bảng 1 sau:

**Bảng 1.** Diện tích, năng suất, sản lượng cà phê tỉnh Kon Tum

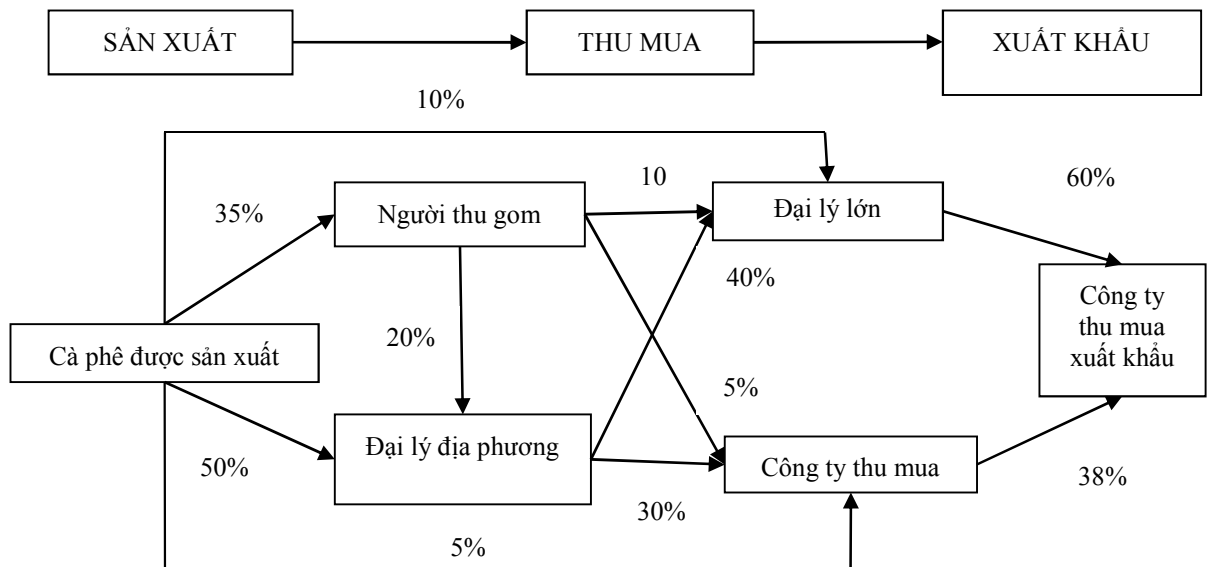
Năm	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
2010	3.740	25,57	10.211
2011	4.903	19,11	15.775
2012	6.434	23,98	15.494
2013	7.960	22,12	15.617
2014	9.765	22,44	17.075
2015	9.851	23,42	23.426

(Nguồn: Chi cục Thống kê Kon Tum, Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum, 2016)

Trong thời gian 6 năm trở lại đây diện tích cà phê có tốc độ tăng khá cao (3.740 ha/9.851 ha - tăng hơn 37, 97%/năm), mặt khác do năng suất cà phê toàn tỉnh Kon Tum đạt khá cao - bình quân 2,25 tấn/ha cà phê nhân nên đã góp phần ổn định sản lượng cà phê toàn tỉnh bình quân hàng năm gần 16 ngàn tấn. Đây là thành công rất lớn của ngành nông nghiệp tỉnh Kon Tum.

Số liệu thống kê cũng cho thấy diện tích tăng nhanh, nhưng năng suất tăng không đồng đều, giao động trong khoảng 1,5- 2,2 tấn /ha. Để đánh giá việc mở rộng diện tích cà phê và hiệu quả sản xuất cà phê, qua phân tích mối

quan hệ giữa năng suất và diện tích cho thấy khi diện tích tăng 1% thì năng suất chỉ tăng 0,0014%, nghĩa là diện tích tăng thêm 1 ha thì năng suất tăng không đáng kể. Vì vậy, không cần phải tăng thêm diện tích nữa vì năng suất biên quá nhỏ. Quá trình phát triển ngành sản xuất cà phê đã thể hiện sự không bền vững, khi mà chúng ta đang khai thác quá mức nguồn tài nguyên đất đai, giảm đáng kể diện tích rừng, gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sinh thái. Vấn đề quan trọng là phải thực hiện quy hoạch của Chính phủ một cách nghiêm túc, chuyển dần những diện tích có điều kiện sản xuất không thuận lợi, chi phí cao, năng suất thấp sang canh tác các cây trồng phù hợp.

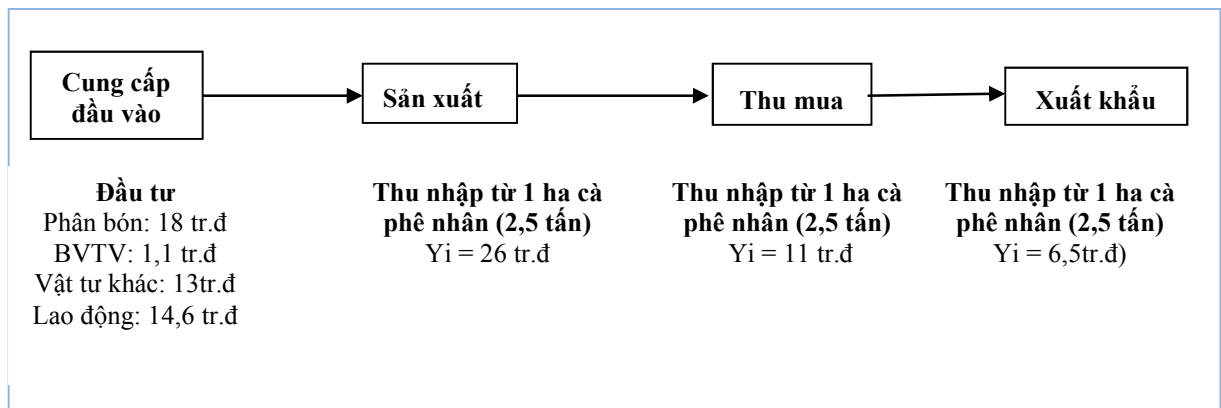


Hình 2. Sơ đồ khối lượng dòng sản phẩm trong chuỗi cà phê

Nguồn: Sở NN&PTNT Kon Tum

Theo quy trình trên, cà phê sau khi thu hoạch được sơ chế thành cà phê nhân và được bán cho người thu gom địa phương (chiếm 35% tổng lượng sản xuất), 50% khối lượng cà phê bán cho các đại lý thu mua, 15% lượng còn lại được người dân vận chuyển bán cho các công ty lớn. Cà phê được người thu mua gom lại, sau đó lượng lớn (20%) được bán lại cho đại lý thu mua cấp cao hơn ở địa

phương. Cuối cùng các đại lý và các công ty thu mua sau khi thực hiện việc tập hợp cà phê và sơ chế sẽ bán cho người thu mua xuất khẩu. Lúc này, lượng cà phê mà người xuất khẩu mua được sẽ bằng khoảng 98% lượng cà phê được bán ra từ nông dân. Lượng cà phê hao hụt là tương đối nhỏ với 2%.



Hình 3. Sơ đồ chi phí, lợi nhuận trong chuỗi giá trị cà phê

Nguồn: Phòng Kinh tế tỉnh Kon Tum, 2015

Hình 3 là sơ đồ chi phí lợi nhuận của các tác nhân tham gia chuỗi cà phê tại Kon Tum. Trong đó, những người tham gia chuỗi giá trị tại Việt Nam và lợi nhuận thu về:

- *Nhà cung cấp vật tư đầu vào*: vai trò của các nhà cung cấp vật tư đầu vào là tương đối quan trọng: cung cấp giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, các phương tiện hỗ trợ nông dân sản xuất nông sản. Do đó người cung cấp vật tư là người tạo điều kiện để người sản xuất có thể mua được các vật tư cần thiết phục vụ sản xuất thuận tiện và

đáp ứng yêu cầu chất lượng sản phẩm. Lợi nhuận người cung cấp thu về chính là chênh lệch giữa giá bán các sản phẩm cho người người nông dân và giá nhập hàng.

- *Người nông dân*: tạo ra giá trị thông qua thực hiện các công việc trong quá trình sản xuất bao gồm trồng trọt, tưới nước, cắt cành – tạo hình, bón phân, thu hoạch, chế biến cà phê quả tươi thành cà phê nhân. Trong chuỗi giá trị cà phê tại Kon Tum ta thấy, người nông dân sản xuất ra cà phê với chi phí tương đối cao (18,4 triệu đồng/tấn), chịu nhiều rủi ro như sâu bệnh, ảnh hưởng xấu do thời tiết,

mát mùa dẫn đến năng suất thấp, chất lượng không đáp ứng được yêu cầu người tiêu dùng nên giá thành và lợi nhuận thu về không cao: sau khi trừ đi các chi phí đầu vào, người trồng cà phê thu về 16,5 triệu/ha tương ứng với 26,4%.

- *Người thu mua*: làm công việc chính là thu mua cà phê từ nông dân sau đó bán lại cho các đại lý lớn; các đại lý này vừa mua cà phê nhân từ người thu gom vừa mua trực tiếp từ người nông dân, thực hiện việc sơ chế, phơi sấy lại cho đồng độ ẩm, sàng lọc để cung cấp hạt cà phê có chất lượng tương đối đồng nhất. Với 2,5 tấn cà phê thu từ 1 ha người mua thu gom về, sơ chế để có chất lượng phù hợp hơn cho việc bảo quản và vận chuyển trong thời gian dài sau khi bán lại cho công ty xuất khẩu thì thu được lợi nhuận từ chênh lệch là tương đối cao (1,6%). Nếu so sánh với công sức mà người sản xuất cà phê bỏ ra cùng với thời gian sản xuất và rủi ro mà họ có thể gặp phải thì người thu mua có lợi nhiều hơn. Nguyên nhân của sự chênh lệch này là do cà phê được bán thông qua nhiều khâu trung gian, nhiều mắt xích trong khâu thu gom.

- *Khâu tiêu thụ sản phẩm trong nước*: Sau khi sản xuất ra sản phẩm Cà phê, Công ty sẽ phân phối sản phẩm tới người tiêu dùng thông qua cả kênh trực tiếp và gián tiếp. Các trung gian phân phối (đại lý và cửa hàng bán lẻ) là kênh phân phối sản phẩm chủ yếu chiếm 75%, kênh phân phối trực tiếp của công ty chỉ chiếm 25% lượng sản phẩm tiêu thụ trên thị trường.

- *Công ty xuất khẩu*: mua cà phê sau sơ chế từ các đại lý, sấy lại để có cùng độ ẩm, loại bỏ tạp chất, phân loại cà phê nhân, đóng bao, xác định khách hàng và xuất khẩu. Với 2,5 tấn cà phê, công ty xuất khẩu chỉ thu được 0,5 triệu đồng lợi nhuận, thấp hơn so với người thu mua song tác nhân này thu lợi nhuận từ việc xuất khẩu với khối lượng lớn.

Như vậy, sự phân phối thu nhập giữa các tác nhân của chuỗi giá trị cà phê toàn cầu ngay tại Việt Nam đã có sự chênh lệch rõ rệt. Người nông dân là những người tạo ra phần lớn giá trị cho sản phẩm song lại chịu nhiều rủi ro và lợi nhuận thu về thấp hơn so với người thu gom và người xuất khẩu là những tác nhân làm ít công việc hơn.

Từ đó có thể thấy tại thị trường nước nhập khẩu, cà phê thô khi được gia tăng giá trị thông qua khâu chế biến, đóng gói, marketing và dưới thương hiệu của các công ty hàng đầu thế giới sẽ có giá cao hơn rất nhiều. Nếu các doanh nghiệp Việt Nam không chủ động cải tiến công nghệ và đổi mới quy trình sản xuất thì rất khó có thể vượt tới các hoạt động thu lợi nhuận từ thị trường quốc tế.

Kết quả phân tích hiệu quả sản xuất trên 1ha cà phê cho thấy, giá trị gia tăng chiếm 90-92% trong tổng doanh thu, chi phí trung gian (IC) chỉ chiếm 8-10%. Trong chi phí trung gian (IC), phân bón chiếm tỉ trọng lớn 94-95%. Trong tổng giá trị gia tăng (VA) thì lao động chiếm 17-25%, còn lãi gộp chiếm 74-82%, một tỷ lệ khá cao. Trước đây, cà phê công nghiệp đôi khi nông dân vẫn có thể bán ở 2 dạng là bán cà phê tươi và cà phê khô, nhưng hiện nay các vườn cà phê công nghiệp nông dân chỉ để bán trái khô.

Nếu phân tích hiệu quả đầu tư từ 1 đồng chi phí trung gian (IC) cho thấy các thông số doanh thu/ chi phí trung gian (P/IC), Giá trị gia tăng/chi phí trung gian (VA/IC),

Lợi nhuận ròng/chi phí trung gian (NPr/IC) khá tốt, nhất là cà phê bán trái khô (Bảng 2).

**Bảng 2.** Phân tích hiệu quả SX hộ nông dân cà phê ở Kon Tum (tính trên 1 ha)

Khoản mục	Cà phê tươi		
	Giá trị (10000đ)	% doanh thu	% trong IC, VA
Doanh thu	7000	99,7	
Doanh thu phụ	12	0,3	
Tổng doanh thu (P)	7012	100	
Chi phí trung gian (IC)	388	9,7	100
Phân bón	363		93,5
Thuốc BVTV	22		5,8
Nhiên liệu	3		0,8
Giá trị gia tăng (VA)	3624	90,3	100
Lao động	904		24,9
Lãi vay	32		0,9
Lãi gộp (Pr)	2687		74,2
Khấu hao, bảo dưỡng công cụ	26		
Khấu hao chi phí KTCB	59		
Lãi ròng (NPr)	2603		

(Nguồn: Kết quả điều tra năm 6/2015)

**Bảng 3.** Hiệu quả đầu tư cho 1 đồng chi phí trung gian sản xuất cà phê ở Kon Tum

Dạng sản xuất	P/IC	VA/IC	NPr/IC
Cà phê tươi	10,3	9,3	6,7
Cà phê khô	12,9	11,9	9,8
Cà phê nhân	13,7	13,2	10,2

Chú thích: P: doanh thu; IC: chi phí trung gian; VA: Giá trị gia tăng; NPr: lãi ròng

(Nguồn: Kết quả điều tra năm 6/2015)

Về cơ cấu thu nhập, đối với các hộ có trồng cà phê, thu nhập từ cà phê là nguồn thu quan trọng của gia đình. Thu nhập từ cà phê chiếm đến 72% cơ cấu thu nhập của hộ, trong khi thu nhập từ các cây trồng khác như lúa, chuối, mía, chanh, v.v..., chỉ chiếm 7% trong tổng thu nhập của hộ. Chăn nuôi chỉ đóng góp 3% thu nhập, các hoạt động buôn bán, dịch vụ, ngành nghề phụ chỉ chiếm khoảng 4%. Các nguồn thu khác kể cả phi nông nghiệp có tỷ trọng 15% trong tổng thu nhập của hộ nông dân trồng cà phê. Trong những năm gần đây, khi giá cà phê (trái tươi, trái khô) tăng giá đột biến đã làm ngành sản xuất cà phê trở nên quan trọng, góp phần cải thiện rất nhiều thu

nhập của nông dân trồng cà phê.

## 4.2. Một số giải pháp phát triển chuỗi giá trị sản phẩm cà phê

### 4.2.1. Khâu đầu vào

Kiểm soát chất lượng, nguồn gốc của giống, chủ động liên hệ với các trung tâm nghiên cứu lớn như Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, cơ quan khuyến nông v.v...

Phát triển các loại hình dịch vụ cung ứng vật tư phân bón và dịch vụ sản xuất nông nghiệp, kiểm soát chất nguồn gốc các loại vật tư nông nghiệp và thuốc BVTV.

Đầu tư cơ sở hạ tầng nhất là giao thông nội đồng. Quy hoạch các vùng sản xuất cà phê chuyên canh, phát triển sản xuất cà phê theo quy mô trang trại hoặc mô hình HTX sản xuất cà phê. Khi có diện tích đủ lớn và ổn định, các trang trại có thể liên kết sản xuất theo quy trình, theo đơn đặt hàng hoặc hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với một tác nhân đầu ra đáng tin cậy. Hỗ trợ một phần kinh phí để xây kho bảo quản và sân phơi và công nghệ sấy cà phê nhằm đảm bảo chất lượng cà phê.

### 4.2.2. Khâu sản xuất

Chủ động trang bị những kiến thức khoa học về sản xuất và bảo quản nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cà phê. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ với các cơ quan nghiên cứu để thực hiện các hoạt động tập huấn chuyên giao KHKT cho người nông dân, tiến tới xây dựng thương hiệu (có nhãn mác, bao bì). Tránh lạm dụng thuốc BVTV, sử dụng những loại thuốc thân thiện với môi trường nhưng vẫn hiệu quả trên cây cà phê.

### 4.2.3. Khâu thu gom và thương mại

Tổ chức hợp lý và có quy củ theo nhóm, đội hoặc công ty nhỏ để thực hiện khâu lưu chuyển cà phê nhanh, tăng cường các hoạt động sản xuất nhằm nâng cao chất lượng cà phê, giảm giá thành sản phẩm.

Thiết lập mối quan hệ bền vững với các tác nhân khác trong chuỗi để có thể liên kết giúp đỡ nhau cùng phát triển. Ký hợp đồng ổn định với tác nhân sản xuất hoặc công ty thu gom để chủ động được nguồn hàng của mình.

Tổ chức hệ thống thông tin hiệu quả về thị trường nơi đang mua bán, chủ động được nguồn hàng và tìm kiếm thị trường tiềm năng (nhất là thị trường miền Nam và miền Bắc). Hình thành chuỗi các cửa hàng tiện lợi chuyên bán lẻ hoa có uy tín và chất lượng. Xác định rõ chiến lược hoạt động và phát triển của mình để có sự thay đổi phù hợp với xu hướng của thị trường và xu hướng tiêu dùng của khách hàng.

## 5. Kết luận

Trên thế giới, cách tiếp cận về chuỗi giá trị đang được sử dụng phổ biến, tổ chức tốt chuỗi giá trị là công cụ tốt để quản lý chất lượng. Trong thời gian qua, sự phát triển của chuỗi giá trị sản phẩm cà phê huyện Đắk Hà đã mang lại nhiều ý nghĩa kinh tế, xã hội: thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phân công lại lao động nông thôn, tạo liên kết có trách nhiệm giữa các nhà sản xuất kinh doanh với người tiêu dùng. Tham gia vào chuỗi giá trị cà phê gồm 4 tác nhân chính: cung cấp đầu vào, sản xuất, thu gom, tiêu thụ nội địa/xuất khẩu. Đóng góp vai trò lớn nhất trong việc tạo ra giá trị gia tăng là tác nhân sản xuất (67,55%) nhưng tác nhân bán buôn lại đạt giá trị ngày công cao nhất (194.770đ/ngày công). Tuy nhiên, cà phê tại huyện Đắk Hà chỉ mới sản xuất theo quy mô gia đình, cà phê sau thu hoạch chưa có công nghệ bảo quản nào được áp dụng; kết cấu tổ chức của chuỗi còn tách biệt; tác nhân chính trong chuỗi vẫn là người sản xuất, các tác nhân khác có tác động rất ít tới sự phát triển của chuỗi; chuỗi mới chỉ mang tính một chiều.

Để hoàn thiện và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm cà phê huyện Đắk Hà trong các năm tới, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp cho toàn chuỗi và cho từng tác nhân đối với từng khâu trong chuỗi cho các cơ quan quản lý chất lượng và thị trường, nhất là thị trường đầu vào cho sản xuất.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Quang Bình, (2006), *Phát triển ngành sản xuất cà phê bền vững ở Tây Nguyên*, Báo cáo khoa học, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.
- [2] Bộ Nông nghiệp và PTNT, FAO TCP/VIE/8821, (2000), *Hỗ trợ chính sách cạnh tranh nông nghiệp trong ASEAN, Nghiên cứu tính cạnh tranh của mặt hàng điều Việt Nam*, Báo cáo dự án, Hà Nội.
- [3] Bộ Nông nghiệp và PTNT, (2001), *Chương trình phát triển thị trường và xúc tiến thương mại hàng nông sản 2001 - 2005*, Hà Nội.
- [4] Bộ Nông nghiệp và PTNT, (2003), *Nâng cao năng lực cạnh tranh của mặt hàng cà phê Việt Nam*, Báo cáo chuyên đề, Hà Nội.
- [5] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (2009), *Hội nghị nâng cao chất lượng cà phê Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp, Hà Nội.
- [6] Tổng cục Thống kê, (2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012), Niên giám thống kê, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [7] Phòng Kinh tế, tỉnh Kon Tum, (2015), *Tình hình phát triển cà phê ở tỉnh Kon Tum*, Báo cáo làm việc với UBND tỉnh Kon Tum.
- [8] Peter Bolstorff, Robert Rosenbaum (2011), *Quản trị chuỗi cung ứng hoàn hảo*, Nhà XB Lao động Xã hội.
- [9] Shoshanah Cohen, Joseph Roussel (2008), *Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng*, Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- [10] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2015). Báo cáo hiện trạng sản xuất, giải pháp phát triển và trồng tái canh cà phê thời gian tới.

(BBT nhận bài: 16/12/2016, phản biện xong: 20/1/2017)